

Số: /KH-UBND

Nghĩa Tá, ngày tháng 01 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số xã Nghĩa Tá năm 2024**

Thực hiện Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc Triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Đồn; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024; Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND xã về Triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2024, với những nội dung sau:

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bắc Kạn về thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về đào tạo, bồi dưỡng ATTT cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Đề án đảm bảo hạ tầng ngành thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Đồn;

- Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024.

- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND xã về Triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung:**

Đẩy mạnh chuyển đổi số hướng tới thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/8/2021 của Tỉnh ủy Bắc Kạn; Nghị quyết số 428-NQ/BCSĐ ngày 22/9/2022 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh...

Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Phân đầu thực hiện đạt các chỉ tiêu xã thí điểm về chuyển đổi số của huyện Chợ Đồn.

**2. Mục tiêu cụ thể:** Theo Phụ lục 01 của Kế hoạch này.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:**

- Cấp ủy, chính quyền xã cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại công chức và bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện; chú trọng việc chia sẻ các cách làm hay trong chuyển đổi số.

- Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, tập huấn, học tập nghiêm túc trên nền tảng học trực tuyến đại trà để nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

## **2. Thể chế, chính sách:**

- Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn xã đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số; huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn xã phát triển.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai cung cấp dữ liệu mở lần đầu của các ngành, lĩnh vực phục vụ các ngành, lĩnh vực khác, các doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội.

## **3. Hoàn thiện đảm bảo hạ tầng số:**

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao để sẵn sàng kết nối mạng diện rộng (WAN) của huyện, tỉnh.

- Duy trì có hiệu quả Hệ thống hội nghị trực tuyến và đầu tư mua sắm trang thiết bị đảm bảo kết nối thông suốt nhằm đáp ứng nhu cầu họp trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước.

- Thực hiện tốt kế hoạch triển khai thí điểm chuyển đổi số xã theo Kế hoạch của UBND huyện

## **4. Đảm bảo an toàn thông tin mạng**

- Tiếp tục thúc đẩy việc xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ cho hệ thống thông tin của xã đảm bảo hoàn thành trước ngày 30/6/2024; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt, xong trước ngày 30/11/2024.

- Duy trì và đảm bảo trang thông tin điện tử của xã được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

## **5. Chính quyền số:**

- Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến: đánh giá và mở rộng các mô hình giải quyết TTHC không giấy tờ, không thanh toán tiền mặt.

- Tiếp tục thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính cho tổ chức và công dân trên địa bàn xã

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý thông qua việc theo dõi, đánh giá dữ liệu từ các hệ thống thông tin, CSDL đã triển khai.

### **6. Kinh tế số:**

- Thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hoạt động trên địa bàn xã; việc mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở theo quy định cho các doanh nghiệp có nhu cầu được khai thác, sử dụng.

- Thúc đẩy các hoạt động giao dịch trực tuyến không dùng tiền mặt trên địa bàn xã; phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện và triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ thanh toán di động (Mobile-Money)

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về kinh tế số; chú trọng việc khơi gợi tinh thần chủ động, quyết tâm thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong mỗi người dân, doanh nghiệp.

### **7. Xã hội số:**

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản, thiết thực hiện nay như: Thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VneID, đặc biệt là định danh điện tử mức độ 2; cài đặt tài khoản DVCTT và tài khoản thanh toán trực tuyến...

- Tiếp tục phối hợp với các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân.

- Tiếp tục thu hút sự tham gia đồng bộ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng vào các hoạt động triển khai các ứng dụng số thiết thực, phù hợp cho người dân.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn ngân sách huyện cấp thực hiện thí điểm xã chuyển đổi số, ngân sách chi từ nguồn hoạt động thường xuyên của UBND xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban chỉ đạo Chuyển đổi số xã:**

Chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất cho UBND, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các chức năng, nhiệm vụ được quy định.

### **2. Văn phòng - Thống kê**

Tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ tại kế hoạch này.

Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai, chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch và phối hợp với các ngành, đoàn thể tìm phương án giải quyết, báo cáo, tham mưu cho Ban Chỉ đạo xã.

### **3. Văn hóa - Xã hội**

Tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền chuyển đổi số 2024.

Phối hợp với các bộ phận chuyên môn xây dựng tin, bài tuyên truyền về công tác Chuyển đổi số của xã, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang thông tin điện tử, hệ thống đài truyền thanh cơ sở...

### **4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể xã**

Chủ động tuyên truyền đến các hội viên, đoàn viên của tổ chức mình về nội dung, ý nghĩa của việc chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

### **5. Kế toán - Ngân sách**

Tham mưu, cân đối nguồn kinh phí đảm bảo triển khai thực hiện kế hoạch kịp thời và đạt kết quả.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của UBND xã Nghĩa Tá./.

#### ***Nơi nhận:***

##### *Gửi bản điện tử*

- Phòng Văn hóa và TT huyện; | (B/cáo)
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQVN xã, các cơ quan đoàn thể xã;
- Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã;

##### *Gửi bản giấy*

- 09 thôn, bản;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Trường**

**Phụ lục 01:****CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ NGHĨA TÁ NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 31/01/2024 của UBND xã Nghĩa Tá)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chính quyền số</b>		
1.1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	$\geq 80\%$	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	100%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100%	Số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hoá trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật ( <i>cấp tỉnh, huyện, xã</i> )	100%	Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị ( <i>trừ văn bản mật</i> )
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	
1.8	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	
1.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban, ngành, UBND các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban, ngành, UBND các cấp của huyện

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1.10	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	
<b>2</b>	<b>Kinh tế số</b>		
2.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP	11%	
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	>30%	
<b>3</b>	<b>Xã hội số</b>		
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cấp quang tại các hộ gia đình	76%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cấp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	
3.5	Tỷ lệ trung tâm y tế, trạm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	
3.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	
<b>4</b>	<b>Đảm bảo An toàn thông tin mạng</b>		
4.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	100%	
4.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	